TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Án số: 49/2019/HNGĐ - ST Ngày 29/10/2019 V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh lê Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXX- ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1992

HKTT: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T

Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn T - sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Đông H, tỉnh T

(Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh T kết hôn ngày 23/01/2015 do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T ở thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm

được tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế. Anh T đánh chị nhiều lần, vợ chồng xảy ra xô xát cãi vã. Khoảng tháng 7/2016 chị đã làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Tuy nhiên sau khi nộp đơn ly hôn thì đại diện chính quyền thôn T, xã M đến động viên chị rút đơn để đoàn tụ, vì vậy chị rút đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T. Nhưng sau khi rút đơn thì vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc, vẫn bất đồng quan điểm sống, anh T đánh và bóp cổ chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung: Bùi Thảo Ng, sinh ngày 10/5/2015. Ly hôn, chị xin được nuôi con Bùi Thảo Ng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai, không cho ai vay tài sản gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn T là bị đơn trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H ngày 23/01/2015 do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh ở thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Tháng 5/2016 chị H có làm đơn xin ly hôn sau đó chị H lại rút đơn. Vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên nhưng không có kết quả. Từ tháng 6/2019 chị H dẫn con chung của vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã Đ sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Chị H làm ca từ 14 giờ nhưng nhiều hôm chị H đi làm từ sáng. Chị H đi đâu anh không biết, thông thường phải 22 giờ 30 phút mới về đến nhà, anh thấy nửa đêm chị H mới về mà còn nằm nhắn tin, lúc đó anh không biết chị H nhắn tin cho ai nhưng gần đây thì anh đọc được tin nhắn chị H nhắn tin tình cảm với một người đàn ông khác và xưng vợ còn người đàn ông kia thì xưng chồng. Anh thừa nhận anh có tát chị H 2 cái nhưng chị H đã cầm ghế nhựa đánh lại anh, do bức xúc nên anh tát lại chị H 3 cái vào mặt và tai chứ không bóp cổ chị H. Chị H đã thu quần áo và đưa con chung của vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ chị. Anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ vì anh muốn con được sống cùng bố mẹ. Anh mong chị H đưa con về nhà chồng để vợ chồng bảo ban nhau để nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Bùi Thảo Ng, sinh ngày 10/5/2015. Ly hôn, anh xin được nuôi con Bùi Thảo Ng, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai, không cho ai vay tài sản gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T, xin được nuôi con Bùi Thảo Ng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu Ng đang ở cùng với chị và ông bà ngoại, cháu Ng đang học ở trường mầm non xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Chị đang làm ở chi nhánh Công ty T Hải Phòng tại Thái Bình thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thu H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn - anh Bùi Văn T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H: Cho chị H được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: Giao cháu Bùi Thảo Ng, sinh ngày 10/5/2015 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Bùi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, chị H, anh T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai, không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn ngày 23/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế anh T đánh chị H nhiều lần, vợ chồng xảy ra xô xát cãi vã. Năm 2016 chị H đã nộp đơn xin hôn anh T, sau đó được mọi người động viên chị lại rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vẫn bất đồng quan điểm sống. Nay chị H xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ vì anh muốn con được sống cùng bố mẹ. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M thì chị H và anh T sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T ở thôn T, xã M, vợ chồng chung sống thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn thì địa phương không nắm được. Chị H xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Bùi Thảo Ng, sinh ngày 10/5/2015. Ly hôn chị H và anh T đều xin được trực tiếp nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị H và anh T là chính đáng, Ủy ban nhân dân xã M đề nghị Tòa án giao con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy cháu Bùi Thảo Ng còn nhỏ, là con gái hiện đang ở cùng chị H tại thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T nên cần giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai, không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị H và anh T.

[3]Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Xử giao con chung Bùi Thảo Ng, sinh ngày 10/5/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008084 ngày 17/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự, UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương